

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ ngư dân khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên biển trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của
Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai
trên biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ ngư dân khắc
phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên biển trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra trên biển
đối với: Tàu cá (máy tàu và vỏ tàu), ngư cụ; chi phí trực vớt tàu cá (máy tàu và vỏ
tàu), ngư cụ bị chìm, trôi dạt trên biển.

Các nội dung hỗ trợ khác không quy định trong Quyết định này được thực
hiện theo quy định tại Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm
2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do
thiên tai trên biển và những quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có tàu cá đăng ký trên địa bàn tỉnh hoạt động thủy sản bị
thiệt hại do thiên tai như: bão lốc, áp thấp nhiệt đới, sóng thần và các loại thiên
tai khác xảy ra trên biển, ven biển, hải đảo (sau đây gọi tắt là trên biển).

Tổ chức, cá nhân đã được hưởng chính sách hỗ trợ khác tương tự nội dung
hỗ trợ này thì không thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ.

Điều 2. Điều kiện hỗ trợ

Việc hỗ trợ ngư dân khắc phục thiệt hại do thiên tai trên biển được thực
hiện trên cơ sở thiệt hại thực tế, đúng đối tượng, đúng mức hỗ trợ quy định và
phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

Tổ chức, cá nhân được xem xét hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện chung cụ

thể như sau: Có tàu cá đăng ký trên địa bàn tỉnh, đã đăng kiểm, được cấp giấy phép khai thác thủy sản theo quy định pháp luật và không vi phạm quy định về khai thác thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá tại thời điểm xảy ra thiên tai.

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ đối với tàu cá

a) Hỗ trợ 50% tổng giá trị vỏ và máy tàu đối với trường hợp mất toàn bộ tàu cá nhưng không quá 240 triệu đồng/tàu.

b) Hỗ trợ 50% giá trị vỏ tàu đối với trường hợp vỏ tàu bị hư hỏng toàn bộ không thể khắc phục được phải thay mới (đóng mới hoặc mua vỏ khác thay thế) nhưng không quá 140 triệu đồng/tàu.

c) Hỗ trợ 50% giá trị máy tàu đối với trường hợp máy tàu bị hư hỏng toàn bộ không thể khắc phục được phải trang bị máy khác nhưng không quá 140 triệu đồng/tàu.

d) Hỗ trợ 25% giá trị vỏ và máy tàu đối với trường hợp vỏ và máy tàu bị hư hỏng nặng cần phải sửa chữa lớn mới có thể tái sản xuất nhưng không quá 100 triệu đồng/tàu.

Giá trị vỏ tàu và máy tàu được xác định theo thông báo trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ của cơ quan thuế khi đăng ký tàu cá.

Các khoản hỗ trợ này đã bao gồm chi phí trực vớt phương tiện, trừ khi mất toàn bộ phương tiện.

2. Mức hỗ trợ đối với ngư cụ:

Ngư cụ bị thiệt hại từ 30% giá trị trở lên được xem xét hỗ trợ chi phí trực vớt, sửa chữa hoặc đầu tư mới bằng 50% giá trị thiệt hại, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện hỗ trợ ngư dân khắc phục thiệt hại do thiên tai trên biển được bảo đảm từ ngân sách tỉnh theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn tài trợ, đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi chủ tàu cư trú chịu trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và xác nhận thông tin thiệt hại do thiên tai gây ra trên biển tại địa phương; chủ trì rà soát, xác minh, tổ chức thẩm định (mời cơ quan chuyên môn tham gia: Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo, các Đoàn, trạm Biên phòng có liên quan và Phòng An ninh Kinh tế Công an tỉnh) đánh giá mức độ thiệt hại tàu cá, ngư cụ, trang thiết bị kỹ thuật do thiên tai gây ra trên biển; lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh

ban hành quyết định hỗ trợ và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đúng mức hỗ trợ và đúng quy định pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định; hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc rà soát, xác minh, thẩm định đánh giá mức độ thiệt hại tàu cá, ngư cụ, trang thiết bị kỹ thuật do thiên tai gây ra trên biển; xác nhận thông tin liên quan đến hoạt động khai thác thủy sản; cung cấp, đối chiếu dữ liệu quản lý tàu cá; theo dõi, tổng hợp tình hình thiệt hại và kết quả hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính hướng dẫn hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định mức hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với tàu cá tỉnh Trà Vinh.

b) Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên biển.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XIX, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nmw*

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 6;
- Các Bộ: NN&MT, TC;
- Cục KTVB và TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp (để cập nhật CSDLQGVP);
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng KTN;
- Trung tâm thông tin điều hành (để đăng công báo);
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện
Nguyễn Quỳnh Thiện